

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017.
*V/v tranh chấp: Xin ly hôn, giao
nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2016/TLST-HN&GD ngày 23 tháng 11 năm 2016, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quàng Văn P**; sinh năm: 1989; nơi cư trú tại: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp (có mặt).

2. Bị đơn: **Chị Tòng Thị T**; sinh năm: 1980; nơi ĐKKTT: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện đang chấp hành hình phạt tại: Trại giam Thanh Xuân; địa chỉ: Xã M, huyện T, thành phố H. (Bị đơn Tòng Thị T vắng mặt, có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 6 năm 2017, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Quàng Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh Quàng Văn P và chị Tòng Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/5/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc **được thời gian đầu**, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Quàng Văn P và chị Tòng Thị T đã nhiều lần được hai bên

gia đình hòa giải và mời tổ hòa giải để tiến hành hòa giải hai lần. Khi được hòa giải vì nghĩ thương con nên anh P đã quay về đoàn tụ với chị Tòng Thị T. Hiện nay chị T đang cải tạo tại Trại giam T, trong thời gian chị T đi cải tạo anh P cũng không thăm hỏi, quan tâm vì anh cảm thấy không được chị T tôn trọng, đến nay anh không còn tình cảm với chị T. Anh P không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với chị Tòng Thị T mặc dù đã nhiều lần Tòa án khuyên anh rút đơn khởi kiện xin ly hôn. Tại phiên tòa, anh Quảng Văn P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị Tòng Thị T.

Về con chung: Anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T có 02 người con chung, cháu Quảng Văn P, sinh ngày 05/01/2010 và cháu Quảng Văn Đ; sinh ngày 28/5/2012. Hiện tại 02 cháu đang sinh sống cùng với anh Quảng Văn P tại bản C, xã C, huyện T. Sau Khi ly hôn anh Quảng Văn P có nguyện vọng được nuôi con chung vì hiện tại chị Tòng Thị T đang đi chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Thu nhập hàng tháng trung bình của anh là 6.000.000đ, đủ đảm bảo nuôi con ăn học. Anh P cũng có nhà ổn định ở bản C, xã C để đảm bảo chỗ ở cho con. Anh P không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con vì chị T không có điều kiện nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà gỗ ba gian nền lát xi măng, vách thưng bằng tre và phủ bạt dứa, mái lợp ngói Prô xi măng, diện tích ngôi nhà 40m² làm trên đất mượn của bố mẹ đẻ anh P, giá trị ngôi nhà là 3.000.000đ; 01 tivi có nguồn gốc là em gái anh P cho, tivi nhãn hiệu Samsung đã cũ 21link, giá trị của chiếc ti vi là 500.000đ; 02 cái loa đài Trung Quốc, mua ban đầu là 1.200.000đ, giá trị còn lại hiện tại là 500.000đ; 01 cái đầu đĩa mua năm 2016, lúc mua là 1.000.000đ hiện tại đã cũ, giá trị còn lại là 500.000đ; 01 xe máy Wave mua năm 2014, lúc mua là 24.000.000đ, nhưng chiếc xe hiện tại đã bán được 15.000.000đ số tiền này khi cô T bị bắt đã dùng để thăm nuôi, anh P vẫn nhất trí chia theo yêu cầu của cô T. Tổng giá trị tài sản là 19.500.000đ. Anh Quảng Văn P nhất trí theo ý kiến của cô T là chia đôi số tài sản chung, anh P xin sử dụng giá trị tài sản là 9.500.000đ; cô T được hưởng 10.000.000đ. Anh P xin nhận sử dụng số tài sản chung bằng hiện vật và có trách nhiệm trả cô T bằng tiền chênh lệch giá trị tài sản cô T được hưởng. Đến ngày 01/9/2017 và tại phiên tòa anh P không tiếp tục đề nghị xem xét, giải quyết về phần tài sản.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Tòng Thị T, **chị T có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Quảng Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, cuộc sống vẫn rất hạnh phúc. Cho đến tháng 01/2017 chị bị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án. Từ khi đi chấp hành án thì anh P chưa đến thăm hỏi lần nào, chị cũng không biết lý do vì sao anh P xin ly hôn. Nay anh P\ xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn, chị xin được đoàn tụ.**

Về con chung: Chị và anh Quảng Văn P\ có 02 người con là Quảng Văn P và Quảng Văn P. Nếu phải ly hôn chị xin nuôi cả hai người con chung và gia cho bố mẹ chồng nuôi vì bố mẹ chồng vẫn thương chị, sau khi ra trại chị sẽ tính sau.

Về tài sản: Tài sản chung có 01 ngôi nhà gỗ khoảng 40m² ở bản C, do hai vợ chồng làm ra năm 2008; 01 ti vi sam sung; 02 loa đài; 01 đầu đĩa; 01 xe máy Wave, ngoài ra không còn gì nữa. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản trên. Đến ngày 25/8/2017 chị T không yêu cầu giải quyết về phân tài sản chung nữa, khi nào chị chấp hành xong hình phạt tù chị sẽ giải quyết sau. Về nợ chung: Không cho ai vay nợ và nợ ai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý: Về thủ tục tố tụng: Không có kiến nghị về vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 và 147 BLTTDS về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện “Xin ly hôn, giao nuôi con chung” giữa nguyên đơn anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T, sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy vợ chồng giữa anh P và chị T đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm lẫn nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quảng Văn P. Về con chung: Đề nghị giao cháu Quảng Văn P, sinh ngày 05/01/2010 và cháu Quảng Văn Đ; sinh ngày 28/5/2012 cho anh Quảng Văn P vì hiện tại chị T đang chấp hành án nên không có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết chị T và anh P có yêu cầu giải quyết về tài sản, nhưng sau đó không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy đề nghị không xem xét. Về nợ không có. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của anh Quảng Văn P với chị Tòng Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại Điều 28 BLTTDS; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Tòng Thị T vì hiện tại chị T đang chấp hành hình phạt tại Trại giam T nên không thể có mặt tại phiên tòa, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T kết hôn với nhau ngày 04/5/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T là hôn nhân hợp pháp theo

quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa anh P và chị T đã có lúc mâu thuẫn đến đỉnh điểm phải nhờ đến tổ hòa giải của bản C, xã C nơi anh chị sinh sống để đứng ra hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Đến tháng 01/2017 chị Tòng Thị T đã bị Tòa án nhân dân huyện T xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án tại Trại giam T. Trong thời gian chị T đi chấp hành án, anh P cũng không thăm gặp và cũng không có một sự quan tâm nào đối với chị T. Trong quá trình giải quyết kể từ khi thụ lý, Tòa án đã nhiều lần động viên anh P chờ chị T về để gia đình đoàn tụ. Nhưng, anh P không đồng ý đoàn tụ vì anh cho rằng không phải chị T đi chấp hành án tình cảm vợ chồng mới rạn nứt mà ngay khi chị T còn ở nhà, giữa hai vợ chồng không có cùng quan điểm sống, hay mâu thuẫn. Đã nhiều lần anh P khuyên can chị trong cuộc sống nhưng chị không nghe, anh P cho rằng việc chị T không nghe anh P khuyên can là thiếu đi sự tôn trọng anh. Đến nay anh thấy rằng mình không còn tình cảm với chị T nên xin ly hôn. Còn chị T cũng thừa nhận, quá trình chị đi chấp hành án; anh P không hề hỏi thăm chị. Tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T thì được biết. Trong cuộc sống giữa anh P và chị T cũng có mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm và có gọi hai gia đình cùng chính quyền địa phương can thiệp. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; mâu thuẫn giữa anh P và chị T đã xảy ra, giữa vợ chồng anh chị đã thiếu đi sự quan tâm, sẻ chia với nhau. Hơn nữa, sự quyết tâm ly hôn của anh P sau rất nhiều lần được động viên đoàn tụ nhưng anh P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn thì thấy rằng; tình cảm của anh P đối với chị T là không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quảng Văn P.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T thì thấy: Anh Quảng Văn P nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quảng Văn P, sinh ngày 05/01/2010 và cháu Quảng Văn Đ; sinh ngày 28/5/2012; không đề nghị chị Tòng Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh có thu nhập và nơi ở ổn định; đảm bảo về nhu cầu sinh hoạt và tinh thần của con. Còn chị Tòng Thị T nhận nuôi hai người con chung nhưng lại giao cho ông bà nội của các con nuôi dưỡng đến khi chị ra trại về địa phương sẽ tính sau. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị T đang đi chấp hành án nếu chị nhận nuôi con nhưng lại giao cho ông bà nội của hai cháu nuôi dưỡng trong khi hai cháu còn bố để là người có nghĩa vụ nuôi con chung thì không hợp lý, vô hình chung đã đẩy gánh nặng cho ông bà nội của các cháu hiện tuổi đã cao và cũng không đảm bảo cuộc sống của các cháu. Đồng thời, nguyện vọng nuôi con của anh P hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng muốn được sống chung với bố của cháu Quảng Văn P. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, với điều kiện hoàn cảnh của anh Quảng Văn P và chị Tòng Thị T thì cần căn

cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của anh Quàng Văn P để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như học tập của cháu P và cháu Đ.

[3.2] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết ly hôn, chị Tòng Thị T có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung giữa chị T và anh Quàng Văn P. Tuy nhiên, đến ngày 25/8/2017 chị T không yêu cầu giải quyết về phần tài sản và được anh P chấp nhận. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Thống nhất không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy anh Quàng Văn P đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Quàng Văn P.

2. Về hôn nhân: Tuyên bố anh Quàng Văn P được ly hôn với chị Tòng Thị T.

3. Về con chung: Giao cho anh Quàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Văn P; sinh ngày 05/01/2010 và cháu Quàng Văn Đ; sinh ngày 28/5/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Tòng Thị T chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tòng Thị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Tòng Thị T thực hiện quyền này.

4. Về án phí: **Anh Quàng Văn P được miễn án phí ly hôn.**

Anh Quàng Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2017); chị Tòng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga